

Bản án số: 31/2019/HSST
Ngày: 22 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông L A Hoi
2. Ông Ngô Quang Lực

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 33/2019/TLST- HS ngày 06 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Thành C; Tên gọi Kc: Không; Sinh năm: 1991;

Nơi ĐKKHKT: Xã M, huyện H, tỉnh P

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 16, phường N, thành phố Đ, tỉnh B

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 09/12 phổ thông; Con ông: Dương Công Đ - sinh năm 1960 (Còn sống); Con bà: Nguyễn Thị L- sinh năm 1960 (Còn sống); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: 03 tiền án: Ngày 08/6/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xử phạt 21 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và cưỡng đoạt tài sản, tổng hợp với bản án số 15/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị cáo phải chấp hành 22 tháng 25 ngày tù. Ngày 20/8/2010, Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm, năm 2012 bị cáo C chấp hành xong toàn bộ bản án. Ngày 26/7/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, năm 2014 C chấp hành xong toàn bộ bản án. Ngày 28/01/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, tháng 10/2017 C chấp hành xong hình phạt bản án chính nhưng

chưa chấp hành án phí và tiền bồi thường, tiền sự: Không. Bị tạm giữ sau đó tạm giam từ ngày 24/01/2019 cho đến ngày xét xử (có mặt).

- Bị hại: Ông Lò Văn L. Địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Dương Công Đ. Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (Có mặt).

- Người làm chứng: Anh Hoàng Mạnh H. Địa chỉ: Số nhà 22, tổ 05, phường N, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 55 phút, ngày 24/01/2019, Hoàng Mạnh H điều khiển xe máy biển kiểm soát 27B1- 715.83 chở C đến khu vực cổng trào bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh B thì dừng xe và đưa cho C 20.000đ bảo đi mua thuốc lá, C cầm tiền đi vào quán tạp hóa của anh Lò Văn L thuộc bản K, thì thấy anh L đang nằm ở chiếu trên nền quán, quay mặt vào tường, quay lưng ra phía cửa quán, C hỏi mua thuốc lá thì anh L xua tay ra hiệu không bán và vẫn nằm nguyên tư thế cũ, C quay ra thấy một chiếc ví màu nâu của anh L để trên nóc tủ lạnh kê gần cửa quán, C nảy sinh ý định trộm cắp nên tiến lại chỗ tủ lạnh, dùng tay trái mở ví rút lấy số tiền 2.520.000đ đút vào túi quần bên trái đang mặc và đi ra chỗ H, C vừa ngồi lên xe thì bị anh L phát hiện hô “ Trộm, trộm”, tổ công tác công an phường N đang làm nhiệm vụ tại đó ập đến bắt C, thu giữ vật chứng.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSTPĐBP ngày 06/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Dương Thành C về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Dương Thành C về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Dương Thành C từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Dương Thành C không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan Kc cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13 giờ 10 phút ngày 24/01/2019, biên bản giao nhận vật chứng....Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, khoảng 12 giờ 55 phút ngày 24/01/2019, tại khu vực bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh B, Dương Thành C đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt số tiền 2.520.000đ của anh Lò Văn L.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở H tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn phường N nói riêng, thành phố Đ nói C, Dương Thành C phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Ngày 28/1/2015 Dương Thành C bị Tòa án nhân dân thành phố Đ áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm, tuyên phạt 03 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, ngày 20/10/2017, C chấp hành xong hình phạt chính của bản án, chưa chấp hành án phí và tiền bồi thường. Bản án này chưa được xóa án tích. Ngày 24/1/2019 C tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Dương Thành C không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 BLHS, Bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử và phải đi chấp hành các bản án với các mức hình phạt tù Kc nhau, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Dương Thành C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, với hành vi trộm cắp số tiền là 2.520.000đ, thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù là cao, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Các vấn đề Kc: Đối với anh Hoàng Mạnh H, do không biết việc Dương Thành C trộm cắp tài sản, nên cơ quan điều tra không đề cập xử L là có căn cứ, đối với số tiền 20.000đ mà anh H đã đưa cho C đi mua thuốc lá, ngày 12/4/2019 cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử L vật chứng trao trả tài sản trên cho anh Hoàng Mạnh H. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel A106, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo Dương Thành C, xét thấy bị cáo không dùng vào việc phạm tội, ngày 12/4/2019 cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử L vật chứng trao trả chiếc điện thoại trên cho bị cáo Dương Thành C, bị cáo C đã ủy quyền cho ông Dương Công Đ (là bố đẻ của bị cáo) nhận hộ. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Vật chứng: Đối với số tiền 2.520.000đ (Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), 01 ví giả da màu nâu, ngày 01/02/2019 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử L vật chứng trao trả tài sản trên cho anh Lò Văn L. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chiếc xe máy HONDA Dream, màu sơn xanh, biển kiểm soát 27B1 – 718.53, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra xác định tài sản trên là tài sản hợp pháp của ông Dương Công Đ, chỗ ở: Tổ dân phố 16, phường N, thành phố Đ, 01 hợp đồng bán xe máy đề ngày 26/12/2018 giữa người bán là Vũ Văn H, người mua là Dương Thành C, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS mang tên Đặng Xuân H. Ngày 12/4/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử L vật chứng trao trả tài sản trên cho ông Đ. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Bồi thường dân sự: Anh Lò Văn L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Dương Thành C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Dương Thành C **03 (ba)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (24/01/2019).

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48/BLHS, khoản 3 Điều 106/BLTTHS.

Chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh B cho anh Lò Văn L, anh Hoàng Mạnh H, ông Dương Công Đ.

3. Án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2019). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL và NV liên quan;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thúy Thành

